

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC**

TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 66/2020/DS-ST

Ngày: 29-9-2020

(V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng thế chấp tài sản)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Khắc Thiện, bà Vương Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Lan Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp " kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: khối K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1980;

Trú tại: xóm 9, xã N, huyện N, Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:*

+ Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 2002

+ Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 2005

Đồng trú tại xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2020 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị T có giao dịch cho vay nhiều lần trong thời gian qua. Ngày 19/8/2018, bà và bà T có tính toán các khoản tiền và xác định bà T còn nợ bà khoản tiền lãi của nhiều món nợ trước đó là 10.300.000 đồng; Đến ngày 27/8/2018, bà tiếp tục cho bà T vay số tiền 70.000.000 đồng và hẹn đến ngày 25/9/2018 sẽ thanh toán nợ (đã thanh toán tiền lãi đến ngày 25/9/2018); Hai bên đã thỏa thuận miệng mức lãi suất là 1.000đồng /1.000.000/ngày. Tính đến ngày 25/6/2020, lãi suất mà bà T phải trả cho bà đối với khoản nợ này là 52.800.000 đồng. Bà tiếp tục yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 26/6/2020 cho đến khi trả hết nợ. Về mức lãi suất, hai bên không lập vào văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng.

Khi vay nợ khoản tiền này, bà Nguyễn Thị T đã thế chấp thửa đất số 232, tờ bản đồ số 3 có diện tích 155m² tại xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận số CB410320 ngày 04.11.2015 mang tên bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh M để đảm bảo. Hiện tại bà đang giữ giấy này.

Khi bà T đến vay, thế chấp bìa đất mang tên bà D, ông M thì không có mặt hai người đó mà chỉ có bà T mà thôi.

Nay, tại phiên tòa, bà đề nghị Tòa án buộc bà T trả cho bà tổng hai khoản nợ là 80.300.000 đồng và lãi suất của số tiền 70.000.000 đồng với mức 1.000 đồng/1.000.000/ngày theo như thỏa thuận; Đối với số tiền 10.300.000 đồng là lãi suất thỏa thuận của những khoản tiền nợ trước, bà chỉ yêu cầu trả nguyên gốc chứ không yêu cầu Tòa án xem xét về lãi. Trong trường hợp bà T không trả nợ, không trả hết nợ thì đề nghị Tòa án buộc xử lý tài sản cầm cố là thửa đất đã được cấp cho bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh M mà bà T đã thế chấp để thanh toán nợ.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày: Thực tế giữa bà và bà H không quen biết gì trước. Khoảng cuối năm 2018, thông qua bà L thì bà và bà H mới xảy ra việc vay mượn với nhau. Bà có gửi bà Nguyễn Thị L (xóm 5, xã N) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh chị bà đề nhờ bà L vay tiền. Bà khẳng định là có kí vào giấy vay tiền với số tiền là 70.000.000 đồng ngày 27/8/2018 (là giấy mà bà H nộp tại Tòa án khởi kiện tôi). Ngoài ra, bà công nhận có kí vào hóa đơn bán hàng ngày 19/8/2018 chốt một khoản tiền 10.300.000 đồng của bà H. Tuy nhiên, khi kí giấy vay 70.000.000 đồng thì thực chất bà chỉ được bà L đưa 43.000.000 đồng. (trong số đó tiền lãi bị cắt lãi 27.000.000 đồng). Do thấy số lãi quá cao (7.000 đồng/1.000.000/ngày) nên bà chỉ vay 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) trong số tiền bà L đưa. Ngoài ra, số tiền 36.000.000 đồng còn lại thì do bà L vay, bà không biết. Số tiền 10.300.000 đồng, bà kí nhận vay bà H là vì: bà vay 7.000.000 đồng chấp nhận tính lãi 3.300.000 đồng. Do vậy, bà phải kí vào giấy vay số tiền 10.300.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu, bà chỉ đồng ý trả số tiền 10.300.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày kí trong hóa đơn bán hàng.

Về vấn đề bà tự ý đưa đất của anh chị để cầm cố vay tiền, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong lời khai thể hiện: Bà là chị gái của bà T. Chồng là Nguyễn Thanh M đã mất cách đây 04 năm. Bà D không biết việc em gái có giao dịch vay mượn tiền nong gì, của ai. Về việc thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà mà em gái bà mang đi cầm cố, bà trình bày như sau:

Vợ chồng bà được quyền sử dụng một thửa đất tại xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đó là thửa số 232, tờ bản đồ số 3 có diện tích 155m² đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận số CB410320 ngày 04.11.2015 mang tên Nguyễn Thị D và Nguyễn Thanh M. Sau khi chồng mất, bà phải vào miền Nam làm ăn, sinh sống nên gửi lại giấy tờ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho em là Nguyễn Thị T với mục đích để nêu chính quyền có yêu cầu nộp thuế sử dụng đất, thay đổi bìa...thì có em làm giúp do ở xa không về kịp. Bà không biết việc em gái cầm cố, thế chấp thửa đất đó cho ai để vay nợ cả; Bản thân em gái cũng không hỏi, không thông báo việc thế chấp, cầm cố bìa của bà. Đến nay, khi Tòa án thông báo thụ lý vụ việc và bà T thông tin thì bà mới biết nội dung này.

Thửa đất trên là tài sản của vợ chồng bà, nay chồng bà đã chết; Việc gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho em gái nhằm mục đích cất giữ hộ chứ không phải là để đem thửa đất đó đi cầm cố, thế chấp. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo pháp luật; Buộc bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tự ý cầm cố, nhận cầm cố thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng bà; Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại giấy chứng nhận số CB410320 do Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp ngày 04.11.2015 mang tên vợ chồng bà cho bà. Về hậu quả của giao dịch trên do chưa phát sinh, chưa thiệt hại gì nên bà không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh M có 02 người con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N và Nguyễn Thị Vân A và do ông M đã chết nên họ là người thừa kế phần di sản ông M để lại. Qua bản tự khai, cả hai người con của ông M, bà D đều ủy quyền cho bà D thay mặt họ tham gia tố tụng. Quan điểm của họ là yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ họ giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H là giao dịch dân sự vô hiệu và buộc bà H phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự, lập hồ sơ đầy đủ, đúng pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, xây dựng hồ sơ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn: Khoản vay 70.000.000 đồng là khoản vay có kì hạn, có lãi và có tranh chấp về lãi suất; Khoản tiền 10.300.000 đồng là khoản nợ không kì hạn, không tính lãi suất để buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và tiền lãi suất của khoản tiền 70.000.000 đồng theo quy định tại bộ luật Dân sự 2015 và buộc bị đơn phải thanh toán khoản lãi suất đã thừa nhận là 10.300.000 đồng, không tính lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, tuyên bố giao dịch cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H là vô hiệu, buộc chị Nguyễn Thị H trả lại cho chị Nguyễn Thị D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB410320 do Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp ngày 04.11.2015 mang tên Nguyễn Thị D, Nguyễn Thanh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị D. Bà D đã nộp tạm ứng án phí hợp lệ cho yêu cầu của mình, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ban hành các văn bản, thủ tục tố tụng theo quy định chung; giao trực tiếp các văn bản, tài liệu, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp, thông báo kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ...Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử...đúng quy định. Căn cứ vào quy định tại bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giấy biên nhận vay tiền lập ngày 27/8/2018 và Hóa đơn bán hàng lập ngày 19/8/2018 giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T đã chốt lại các giao dịch trước đó bằng một khoản tiền cố định. Trong hai văn bản này, khoản vay 70.000.000 đồng lập ngày 27/8/2018 có ấn định thời hạn trả nợ là ngày 25/9/2018, hai bên thừa nhận có lãi suất nhưng không thống nhất về mức lãi suất và văn bản này được hai bên ký xác nhận. Khoản tiền 10.300.000 đồng là khoản nợ lãi chưa thanh toán, không ấn định hạn trả, không thỏa thuận về lãi suất. Quá trình sau chốt nợ, bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà T không thanh toán. Trong giấy vay tiền lập ngày 27/8/2018 có thể hiện việc cầm cố quyền sử dụng thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị D; Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, có giao dịch thế chấp bảo đảm khoản vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc theo quy định tại Điều 26, Điều 35 bộ luật Tố tụng Dân sự và trong thời hiệu khởi kiện.

{2} Về nội dung:

{2.1} Về giấy biên nhận vay tiền lập ngày 27/8/2018:

Bà Nguyễn Thị T khẳng định chị có kí vào giấy vay tiền nhưng không vay số tiền trên mà chỉ vay 7.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà không vay mà đề bà Nguyễn Thị L...vay mượn. Bản thân bà không mang thửa đất của chị mình là Nguyễn Thị D đi cầm cố mà đều thông qua bà L. Tuy nhiên, việc bà thừa nhận bà có kí vào giấy vay, có dùng thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị gái mình để cầm cố, trình bày mức lãi suất mà bà H tính là 7.000 đồng/1.000.000/ngày là quá cao đủ để chứng minh sự việc có vay mượn. Bà Nguyễn Thị T chỉ có lời khai, không có tài liệu, căn cứ pháp lí gì để chứng minh mình chỉ nhận vay số tiền 7.000.000 đồng để phản bác lời khai của nguyên đơn. Về phía nguyên đơn khẳng định: bà Nguyễn Thị T trực tiếp đến vay, trực tiếp cầm cố thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên anh chị mình là Nguyễn Thị D, Nguyễn Thanh M để vay khoản tiền 70.000.000 đồng. Đặc biệt, trong giấy biên nhận vay tiền ghi rõ " Tôi đã nhận đủ số tiền vay bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng". Tòa án không triệu tập bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng vì bản thân bà T cũng trình bày là không có tài liệu, chứng cứ để cho rằng mình vay thông qua bà L. Trên cơ sở đó, cần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị H khoản tiền vay gốc là 70.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất của khoản tiền này:

Trong giấy có ấn định ngày trả là 25/9/2018; Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khẳng định mức lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1000đ/1.000.000.ngày; bị đơn nại mức lãi suất khi thỏa thuận rất cao là 7.000 đồng/1.000.000/ngày. Như vậy, khẳng định đây là giao dịch dân sự đòi tài sản, có kì hạn, có lãi suất và có tranh chấp về mức lãi suất. Do vậy nên Hội đồng xét xử xem xét quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ban hành ngày 11/01/2019 để tuyên buộc nghĩa vụ trả nợ lãi với bị đơn là đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cụ thể, số tiền gốc là 70.000.000 đồng; Thời gian chậm trả nợ gốc tính từ ngày liền kề ngày hết hạn trả là ngày 26/9/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (điểm b khoản 2 Điều 6); Mức lãi suất quá hạn là 150% của 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 bộ luật Dân sự (điểm c khoản 2 Điều 5). Quy định này thể hiện tại Điều 468, 470 bộ luật Dân sự năm 2015.

Cụ thể: thời gian chịu lãi từ ngày 26/9/2018 đến 29/9/2020 là 24 tháng 03 ngày. Mức lãi suất là 15%/năm tương đương với 1,25%/tháng . Tổng số tiền chậm trả là 70.000.000 đồng. Tổng lãi suất phải chịu đến thời điểm trả nợ là 21.087.500 đồng.

Tổng cả gốc và lãi trong khoản nợ này tính đến ngày xét xử là 91.087.500 đồng.

{2.2} Đối với khoản nợ 10.300.000 đồng thể hiện trong hóa đơn bán hàng ngày 19/8/2018: Mặc dù bà Nguyễn Thị T cho rằng đây là tổng gốc 7.000.000 đồng và lãi suất và chị kí nhận của khoản vay 70.000.000 đồng. Mặc dù giấy này chỉ là hóa đơn bán hàng, không ghi nhận nội dung vay...nhưng bà T thừa nhận là khoản vay, gốc và lãi; Bản thân chữ kí đúng là của bà và lập trước ngày

lập giấy vay tiền 70.000.000 đồng. Do vậy, dù nội dung không thể hiện việc vay, không tính lãi, không ấn định ngày trả nhưng các bên thừa nhận là văn bản chốt nợ do vậy cần chấp nhận, buộc bà T phải thanh toán khoản nợ này cho bà Nguyễn Thị H.

Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất vì khẳng định đây là khoản lãi của các lần vay mượn trước, nó có lợi cho bị đơn nên Tòa án ghi nhận, không xem xét nội dung này.

{2.3} Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: bà Nguyễn Thị D khẳng định không biết việc em gái mình cầm cố thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB410320 do Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp ngày 04.11.2015 cho bà Nguyễn Thị H; Bị đơn cũng thừa nhận chỉ cầm cố làm tin, chưa gây ra thiệt hại gì cho bà D; Nguyên đơn thừa nhận khi cầm cố, bà D không có mặt mà trực tiếp nhận từ bà T; Xét, mặc dù nguyên đơn vẫn yêu cầu xử lý tài sản là thửa đất của bà Nguyễn Thị D mà bà H đem đến thế chấp để vay nợ nhưng giao dịch này là giao dịch trái pháp luật. Thửa đất nói trên là tài sản của bà D và ông M, có đăng ký quyền hợp pháp; Việc thế chấp, cầm cố giữa bà T với bà H không có sự đồng ý của bà D (ông M đã chết); Bà D và bà T cũng không có sự thỏa thuận, giao kết cho phép thực hiện các giao dịch đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó. Mặc dù trong bản trình bày của bà D chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, không nêu nội dung tuyên giao dịch là vô hiệu nhưng bản chất sự việc là đúng. Cần phải xác định và tuyên bố giao dịch thế chấp, cầm cố giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất CB410320 do Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp ngày 04.11.2015 cho bà Nguyễn Thị D để đảm bảo khoản vay 70.000.000 đồng giữa bà T và bà H là giao dịch dân sự vô hiệu; buộc bà Nguyễn Thị H trả lại giấy cho bà D. Do hậu quả từ giao dịch này chưa xảy ra, bà D và các con của bà D, ông M cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Về án phí và quyền kháng cáo: Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 101.387.500 đồng nên bị đơn phải chịu án phí với số tiền này; Do bác yêu cầu không chấp nhận xử lý tài sản thế chấp, chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập buộc bà H trả lại cho bà Nguyễn Thị D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì giao dịch trái pháp luật nên cần buộc bà H phải chịu án phí.

Trong vụ án này, có ông Phạm Đình Đ là kế toán của công ty thể hiện tại giấy biên nhận vay tiền; Tuy nhiên, bà H, bà T đều khẳng định đây là giao dịch vay mượn cá nhân, viết theo mẫu có sẵn, ông Đ không biết nội dung, không liên quan nên Hội đồng xét xử không đưa vào tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 317; 463; 466; 468 và Điều 470 của bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về Án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

{1} Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị H; Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D. Xử:

{1.1} Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H các khoản tiền là:

{1.1.1} Nợ gốc:

- số tiền 10.300.000 đồng.

- số tiền 70.000.000 đồng.

{1.1.2} Nợ lãi của khoản tiền 70.000.000 đồng từ ngày 26/9/2018 đến ngày 29/9/2020 là 21.087.500 đồng.

Tổng các khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 101.387.500 đồng.

{1.2} Tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng thửa đất số 232, tờ bản đồ số 3 có diện tích 155m² đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận số CB410320 ngày 04.11.2015 mang tên Nguyễn Thị D và Nguyễn Thanh M giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H là giao dịch dân sự vô hiệu. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB410320 do UBND huyện Nghi Lộc cấp giấy ngày 04.11.2015 mang tên Nguyễn Thị D, Nguyễn Thanh M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án; người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

{2} Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.069.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí giải quyết yêu cầu độc lập; Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004883 ngày 06/7/2020; Trả lại cho bà Nguyễn Thị D 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc theo biên lai số 0004964 ngày 10/8/2020.

{3} Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Nghi Lộc;
- Chi cục THA dân sự Nghi Lộc;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Loan Hòa